

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính các cấp xã của tỉnh An Giang;

Trên cơ sở Báo cáo số 31/BC-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa về tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2025; Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 24/7/2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 6 tháng cuối năm 2025 và Báo cáo thẩm tra của hai Ban Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2025 xã Bình Hòa.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- (1) Thu nhập bình quân đầu người 75, 96 triệu đồng/ người/ năm;
- (2) Tổng thu ngân sách trên địa bàn 2.998 triệu đồng;
- (3) Tỷ lệ tăng dân số ≤ 1 ;
- (4) Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên 95%;
- (5) Tỷ lệ lao động trên tổng số lao động đang làm việc 74%;
- (6) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,46%;
- (7) Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch 99.04%;
- (8) Tỷ lệ tham gia BHYT 94,96%;
- (9) Dạy nghề cho người lao động 60 người;
- (10) Thực hiện mô hình sinh kế giảm nghèo 02 mô hình;

- (11) Xuất khẩu lao động 14 người;
- (12) Phát triển BHXH tự nguyện 621 người;
- (13) Tình hình an ninh chính trị đảm bảo ổn định;
- (14) Xã đạt chuẩn tiêu chuẩn “ an toàn về an ninh, trật tự”;
- (15) Phong trào quyết thắng hạng 01;
- (16) Tổ chức hòa giải giải cơ sở 90% trở lên.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2025

Phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tiếp tục phối hợp rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng kế hoạch, phân công tổ chức, cá nhân phụ trách; có lộ trình, giải pháp, thời gian hoàn thành những đề án, chương trình, nhiệm vụ cụ thể gắn với đánh giá, bình xét hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân; các tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm sau:

a) Triển khai có hiệu quả các Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025;

b) Tiếp tục thực hiện các văn bản lãnh đạo chỉ đạo của tỉnh, Hội đồng nhân dân (HĐND) xã, kế hoạch Ủy ban nhân dân (UBND) về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và các năm tiếp theo.

c) Tập trung tháo gỡ khó khăn bảo đảm vận hành mô hình chính quyền đại phương 2 cấp, phối hợp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh, gọn, mạnh và hoạt động hiệu quả.

d) Thường xuyên thăm đồng theo dõi tình hình dịch bệnh trên lúa, rau màu, gia súc, gia cầm để hướng dẫn kịp thời cách phòng trị bệnh cho nông dân. Theo dõi tiến độ thu hoạch vụ Hè thu, đồng thời xây dựng kế hoạch xuống giống vụ Thu Đông. Tiếp tục thực hiện Đề án 01 triệu Ha; Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP). Triển khai Kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn xã.

đ) Tiếp tục tuyên truyền, vận động các chủ trương, chính sách về khuyến khích đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ; Duy trì tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và đảm bảo an toàn; hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

e) Thực hiện nhiệm vụ thu - chi đúng theo Luật ngân sách. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, tiết kiệm chi thường xuyên. Đôn đốc thu hồi các khoản nợ trong dân phân kỳ năm 2025. Tiếp tục đẩy nhanh tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 theo kế hoạch đề ra.

g) Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong công tác kiểm tra, giải tỏa hành lang lộ giới, vỉa hè và các tuyến lộ giao thông nông thôn và các trường hợp xây cất lấn chiếm hành lang lộ giới, sông, kênh, rạch. Tiếp tục quản lý quy hoạch sử dụng đất đã được duyệt và có kế hoạch sử dụng đất phù hợp theo quy định; Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Tiếp tục vận động người dân tham gia đóng phí thu gom rác thải sinh hoạt.

h) Tiếp tục thực hiện kế hoạch duy trì, nâng chất các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2025.

i) Thực hiện công tác Tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025 – 2026; bàn giao học sinh mẫu giáo 5 tuổi vào lớp 1, bàn giao học sinh lớp 5 lên lớp 6; tổ chức bồi dưỡng học sinh chưa hoàn thành trong hè đúng theo kế hoạch. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động vệ sinh phòng bệnh, nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo vệ sức khỏe. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT. Tăng cường chăm sóc và bảo vệ trẻ em, phòng ngừa nguy cơ gây tổn hại cho trẻ; Duy trì sinh hoạt mô hình phòng, chống bạo lực gia đình và câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Tiếp tục cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.

k) Tăng cường công tác đưa tin bài các hoạt động trọng tâm hàng ngày và thực hiện kịp thời, công tác tuyên truyền, vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và phòng chống bạo lực gia đình. Thực hiện kế hoạch xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “ấp văn hoá”, “xã tiêu biểu”. Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ưu tiên cho lao động nữ gắn với tư vấn và giới thiệu việc làm theo nhu cầu tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp; Tiếp nhận và lập hồ sơ để chi trả kịp thời cho các đối tượng thụ hưởng. Tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn được tiếp cận nguồn vốn vay từ phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội. Xây dựng và triển khai kế hoạch đối thoại hộ nghèo để chuẩn bị cho công tác xét thoát nghèo năm 2025 và kế hoạch thực hiện mô hình sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn.

l) Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu xây dựng lực lượng dân quân đạt theo kế hoạch. Tham mưu Đảng ủy tổ chức Tết quân dân. Thực hiện đúng quy trình công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2026. Xây dựng và triển khai kế hoạch liên ngành nhằm đảm bảo tình hình trật tự xã hội, an toàn giao thông nhằm kiềm chế, làm giảm tai nạn giao thông và các tệ nạn xã hội. Thực hiện các giải pháp đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy.

m) Hướng dẫn, giúp đỡ cho các cơ sở tôn giáo hoạt động đúng theo quy định pháp luật. Thường xuyên quan tâm, thăm hỏi các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn.

n) Tiếp tục thực hiện các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức. Thực hiện công tác nâng lương, xếp lương thường xuyên đúng quy định. Quyết định khen thưởng thường xuyên và đột xuất theo quy định. Thực hiện tốt và hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, thời hạn giải quyết. Tăng cường công tác tư vấn pháp luật, thực hiện công tác giải quyết thủ tục hành chính theo thẩm quyền. Duy trì công tác hòa giải thành 100% số vụ việc. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính đầy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung số hóa toàn diện quản lý nhà nước, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; Tường bước nâng cao chất lượng phục vụ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công, thường xuyên kiểm tra việc niêm yết công khai các thủ tục hành chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các cơ quan phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức thành viên tích cực tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh (tổ 04);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- UBND, BTT, UBMTTQ xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban ngành, Đoàn thể xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Các ấp trên địa bàn xã;
- Lưu: VT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng

Số: 11/NQ-HĐND

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương
xã Bình Hòa năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ ban hành Quy chế thiết lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Bình Hòa năm 2025; báo

cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách xã Bình Hòa năm 2025 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế trên địa bàn: 2.998 triệu đồng.
Trong đó:

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 96 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 926 triệu đồng.
- Thu phí và lệ phí: 235 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách: 1.741 triệu đồng.

2. Thu, chi ngân sách địa phương:

2.1. Tổng thu ngân sách địa phương: 149.512 triệu đồng.
Trong đó:

- Thu cân đối ngân sách: 149.185 triệu đồng.
- + Thu từ kinh tế trên địa bàn: 2.998 triệu đồng.
- + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 113.135 triệu đồng.
- + Nguồn thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh bổ sung: 33.052 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 327 triệu đồng.

2.2. Tổng chi ngân sách địa phương: 149.512 triệu đồng.
Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách: 149.185 triệu đồng.
- + Chi chương xuyên: 146.260 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách: 2.925 triệu đồng.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 327 triệu đồng.

Điều 2. Phân bổ ngân sách địa phương xã Bình Hòa năm 2025 như sau:

1. Thu ngân sách địa phương như sau:

- Thu từ kinh tế trên địa bàn: 2.998 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 113.135 triệu đồng.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương ngân sách tỉnh bổ sung: 33.052 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 327 triệu đồng.

2. Chi ngân sách địa phương như sau:

- Chi cân đối ngân sách: 149.185 triệu đồng.

- + Chi chương xuyên: 146.260 triệu đồng.
- + Dự phòng ngân sách: 2.925 triệu đồng.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 327 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, giao Ủy ban nhân dân xã thực hiện một số nội dung:

a) Các khoản dự toán chi của ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định chưa phân bổ chi tiết: Các cơ quan, đơn vị lập dự toán và thuyết minh chi tiết trình Ủy ban nhân dân xã phân bổ, giao dự toán chi đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Định kỳ, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

b) Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh dự toán chi thường xuyên giữa các cơ quan, đơn vị dự toán, lĩnh vực chi theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, với nguyên tắc không làm thay đổi tổng mức chi thường xuyên đã được Hội đồng nhân dân xã phê duyệt, nhằm kịp thời thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- VP. Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, BTT.UBMTTQVN xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, MTTQ, các tổ chức chính trị trực thuộc xã;
- Văn phòng: Đảng ủy, HĐND và UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ PHÊ CHUẨN
1	2	3	
I	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN	2,998	2,998
1	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	96	96
2	Lệ phí trước bạ	926	926
3	Thu phí - lệ phí	235	235
4	Thu khác ngân sách	1,741	1,741
II	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	149,512	149,512
1	Thu ngân sách nhà từ kinh tế trên địa bàn	2,998	2,998
	- Các khoản thu địa phương được hưởng 100%	2,998	2,998
2	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	113,135	113,135
3	Nguồn thực hiện CCTL ngân sách tỉnh bổ sung	33,052	33,052
	Ngân sách tỉnh bổ sung	33,052	33,052
4	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	327	327



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HĐND XÃ PHÊ CHUẨN
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	149,512	149,512
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	149,185	149,185
I	Chi đầu tư phát triển		
II	Chi thường xuyên	146,260	146,260
	<i>Bao gồm 10 % tiết kiệm chi thường xuyên làm nguồn cải cách tiền lương</i>	2,090	2,090
1	Chi sự nghiệp môi trường	1,883	1,883
2	Chi sự nghiệp kinh tế	5,683	5,683
	Kiến thiết thị chính	340	340
	Kinh phí bảo vệ phát triển đất trồng lúa	3,131	3,131
	Chi dịch vụ thủy lợi phí	2,212	2,212
3	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo	106,773	106,773
	<i>Chi SN giáo dục</i>	106,698	106,698
	<i>Chi SN đào tạo - dạy nghề</i>	75	75
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	117	117
5	Chi sự nghiệp phát thanh - Truyền hình- Thông tấn	66	66
5	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	225	225
6	Chi đảm bảo xã hội	147	147
7	Chi quản lý hành chính	24,291	24,291
8	Chi quốc phòng	3,517	3,517

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN HỢND XÃ PHÊ CHUẨN
A	B	1	2
9	Chi an ninh	2,228	2,228
10	Chi khác ngân sách	1,330	1,330
11	Chi dự phòng	2,925	2,925
B	CHI NSDP TỪ NGUỒN BSCMT	327	327
I	Chi đầu tư phát triển		
II	Chi thường xuyên	327	327
1	Chi sự nghiệp giáo dục	327	327



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 của 3 xã trước sáp nhập	Ước thực hiện 6 tháng năm 2025 sáp nhập	Dự toán năm 2025	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NSDP)	32,683	26,029	149,512	123,483	574.41
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2,998	1,661	2,998	1,337	180.49
-	Thu NSDP địa phương hưởng 100%	2,998	1,661	2,998	1,337	180.49
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	29,685	22,335	113,462	91,127	508.00
1	Bổ sung cân đối ngân sách	29,685	15,660	113,135	97,475	722.45
2	Bổ sung có mục tiêu		6,675	327	-6,348	
III	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương			33,052	33,052	
	Ngân sách tỉnh bổ sung			33,052	33,052	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		616		-616	-
V	Thu kết dư		1,417		-1,417	-
B	TỔNG CHI NSDP	32,683	19,103	149,512	116,829	457.46
I	Tổng chi cân đối NSDP	32,683	19,103	149,185	116,502	456.46
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên	32,043	19,103	146,260	114,217	456.45
3	Dự phòng ngân sách	640		2,925	2,285	457.03
II	Chi NSDP từ nguồn BSMT			327		
-	Chi đầu tư					
-	Chi thường xuyên			327		
+	Chi sự nghiệp giáo dục			327		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA

Biểu số 04



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	149,512
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	149,512
II	Chi thường xuyên	146,260
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	106,773
2	Chi y tế, dân số và gia đình	-
3	Chi văn hóa thông tin - thể thao	342
4	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	66
5	Chi bảo vệ môi trường	1,883
6	Chi các hoạt động kinh tế	5,683
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, hội	24,291
8	Chi bảo đảm xã hội	147
9	Chi quản lý hành chính	
10	Chi thường xuyên khác	1,330
11	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2,228
12	Chi quốc phòng	3,517
III	Chi trả nợ lãi vay	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-
V	Dự phòng ngân sách	2,925
VI	Chi từ nguồn BCSMT của tỉnh	327
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-

[illegible]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia		
							Tổng	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
A	B	1=2+...+6	2	3	4	5	6=7+8	7	8
	TỔNG CỘNG	149,512		146,587		2,925			
I	Các cơ quan, đơn vị	134,146		134,146					
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	19,507		19,507					
2	Phòng Kinh tế	7,772		7,772					
3	Phòng Văn hoá - Xã hội	3,320		3,320					
4	Trung tâm phục vụ hành chính công	398		398					
5	Sự nghiệp giáo dục (Các điểm trường)	103,149		103,149					
II	Văn phòng Đảng ủy	4,347		4,347					
III	CƠ QUAN ĐOÀN THỂ, HỘI	5,333		5,333					
	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	5,333		5,333					
IV	Chi khác	1,330		1,330					
	Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phát sinh trong năm (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương: 1.104 triệu đồng)	1,104		1,104					
V									
VI	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH								
VII	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2,925				2,925			
VIII	NGUỒN TÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU	327		327				-	-
1	Vốn ngoài nước								
2	Vốn trong nước	327		327					
	- Sự nghiệp giáo dục	327		327					

Số: 12/NQ-HĐND

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành.

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã dự thảo Nghị quyết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới), như sau:

1. Về tổng nguồn vốn

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của xã Bình Hòa (mới) là 30.424 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương 30.291 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác (vốn doanh nghiệp + nhân dân đóng góp) là: 133 triệu đồng.

2. Nguyên tắc xây dựng, phân bổ vốn

- Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của xã Bình Hòa (mới) là 30.424 triệu đồng, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương 30.291 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác (vốn doanh nghiệp + nhân dân đóng góp) là: 133 triệu đồng.

(Danh mục dự án, kế hoạch vốn chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khoá XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh địa bàn xã;
- VP Đoàn ĐBQH – HĐND tỉnh;
- Thường trực: Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND, UBMTTQVN xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban ngành xã;
- VP. HĐND và UBND xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng



Phụ lục

PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN VỐN KHÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ BÌNH HÒA

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ							31,287	30,424	30,291	133		30	
A	CÔNG TRÌNH HUYỆN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHỈ NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025 (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							12,338	11,972	11,972	-		5	
1	Nâng cấp tuyến cấp sông Hậu 2	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029881		2023-2025	Số 130/QĐ-UBND 01/06/2023; Số 274/QĐ-UBND 13/12/2024	7,225	6,859	6,859			1	
2	Bê tông tuyến Mương Út Xuân	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8124730		2024-2025	161/QĐ-UBND 26/09/2024	992	992	992		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập				Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú	
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:						
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác					
3	Nâng cấp, cải tạo bến xe tàu	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8125560		2023-2025	110/QĐ-UBND 17/07/2024	2,412	2,412	2,412		khu vực huyện Châu Thành		1		
4	Nâng cấp, cải tạo đường vào trung tâm văn hóa xã Bình Thạnh	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8124746		2024-2025	162/QĐ-UBND 26/09/2024	527	527	527					1	
5	Bê tông hóa lộ Bà Tam (ấp Bình An 2)	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	299/QĐ-UBND 30/12/2024	1,182	1,182	1,182					1	
B	CÔNG TRÌNH XÃ NÔNG THÔN MỚI (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							18,949	18,452	18,319	133			25		
I	CÔNG TRÌNH CÁC XÃ ĐIỂM PHÂN ĐÁU ĐẠT CHUẨN NTM THEO LỘ TRÌNH CỦA TỈNH NĂM 2025 (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							12,950	12,453	12,320	133			19		
I.1	XÃ BÌNH THẠNH (CŨ)							12,950	12,453	12,320	133			19		
1	Hạ thế Tuyến từ UBND xã đến hầm cá Tư Nuông	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029217		2023-2024	Số 80/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	1,254	1,201	1,201				1		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
2	Hạ thế Tuyến từ hầm cá Tư Nuông đến KDC Huỳnh Tông	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029218		2023-2024	Số 81/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	631	601	601			1	
3	Hạ thế tuyến kênh Hàng Gáo	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029681		2023-2024	Số 78/QĐ-UBND ngày 10/05/2023	594	566	566			1	
4	Hạ thế Tuyến từ trạm bơm Ba Kiềm kế văn phòng ấp Thạnh Hưng	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8031724		2023-2024	Số 111/QĐ-UBND ngày 23/05/2023	595	567	567			1	
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá ấp Thạnh Hưng	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8002735		2022-2025	Số 254/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	703	703	703			1	
6	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá ấp Thạnh Nhorr	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029677		2023-2024	Số 95/QĐ-UBND ngày 16/05/2023;Số 21/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	1,030	1,019	1,019			1	
7	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá ấp Thạnh Hoà	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8020673		2023-2024	Số 27/QĐ-UBND ngày 23/03/2023;Số 27/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	497	492	492			1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
8	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hoá ấp Thạnh Phú	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8002736		2022-2025	Số 257/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	957	897	897		Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh	1	
9	Mở mới hệ thống nước sạch Tuyến hầm cá 4 Nuông đến hầm cá Huỳnh Tòng	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2023-2024	Số 431/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	240	230	230			1	
10	Hệ thống cống thoát nước KDC ấp Thạnh Hoà	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8026311		2023-2024	Số 52A/QĐ-UBND ngày 11/04/2023	1,198	1,142	1,142			1	
11	Hệ thống cống thoát nước KDC Huỳnh Tòng	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8026311		2023-2024	Số 54A/QĐ-UBND ngày 11/04/2023	632	602	602			1	
12	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8030674		2023	Số 47/QĐ-UBND ngày 05/04/2023	123	123	100	23		1	
13	Mô hình Camera an ninh	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 211/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	220	220	200	20	1		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
14	Hạ tầng công nghệ thông tin (Wifi công cộng)	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 212/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	120	120	100	20		1	
15	Cải tạo nghĩa trang	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8014867		2022-2023	Số 277A/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	655	612	542	70		1	
16	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT dân sinh đầu cồn	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2023-2025	Số 444/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	768	738	738			1	
17	Nâng cấp, mở rộng đường khu dân sinh cầu Khai Long	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 185/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	361	361	361			1	
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến KDC Huỳnh Tông đến hầm cá Tư Nuông	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2023-2025	Số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	1,230	1,171	1,171			1	
19	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT đoạn từ Lò sậy Lâm Tùng đến đuôi cồn	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 186/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	1,142	1,088	1,088			1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
II	CÔNG TRÌNH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2021, PHẦN ĐẦU DUY TRÌ NÂNG CHẤT BỘ TIÊU CHÍ (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							5,999	5,999	5,999			6	
II.1	XÃ BÌNH HÒA (CŨ)							2,992	2,992	2,992	Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa		3	
1	Bê tông tuyến bờ đông Hội Đồng Nĩ (Mặc Cần Dung - Tỉnh lộ 941)	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	7991456		2022-2023	Số 243/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	898	898	898		1		
2	Bê tông đoạn Cầu Mương Hội Đồng đến Cầu Tám Thề	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8030685		2023-2025	Số 77/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	1,712	1,712	1,712		1		
3	Bê tông tuyến bờ Tây Hội Đồng Nĩ (đoạn từ cửa hàng mùng mền Thu Thủy đến công ty giống cây trồng Nông Hưng Phát)	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 187/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	382	382	382		1		
II.2	XÃ AN HÒA (CŨ)							3,007	3,007	3,007			3	
1	Bê tông hoá tuyến Xẻo Sâu - Kênh Quýt	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	7992912		2022-2023	Số 244/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1,210	1,210	1,210		1		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành trước sáp nhập			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
2	Bê tông hóa tuyến đường bờ bắc kênh Quýt	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8030677		2023-2024	Số 76/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	1,184	1,184	1,184		Ủy ban nhân dân xã An Hòa	1	
3	Hệ thống chiếu sáng bờ bắc kênh Rạch Gộc	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 203/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	613	613	613			1	

Số: 13/NQ-HĐND

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và
nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới xã Bình Hòa (mới)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định danh mục dự án đầu tư công, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành.

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã dự thảo Nghị quyết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới), như sau:

1. Về tổng nguồn vốn

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và

nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Bình Hòa (mới) là **10.043 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương 10.043 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác (vốn doanh nghiệp + nhân dân đóng góp) là: 0 triệu đồng.

2. Nguyên tắc phân bổ

- Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 của xã Bình Hòa và để phù hợp với đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

3. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn khác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Bình Hòa (mới) là **10.043 triệu đồng**, bao gồm:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương 10.043 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác (vốn doanh nghiệp + nhân dân đóng góp) là: 0 triệu đồng.

(Danh mục dự án, kế hoạch vốn chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khoá XII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh địa bàn xã;
- VP Đoàn ĐBQH – HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND, BTT UBMTTQVN xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban ngành xã;
- VP. HĐND và UBND xã;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng



Phụ lục
**PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
VÀ NGUỒN VỐN KHÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI XÃ BÌNH HÒA (MỚI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HDND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành đã giao trước sắp nhập)			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ							20,070	10,043	10,043	-		15	
A	CÔNG TRÌNH HUYỆN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NTM NĂM 2025 (GIAO TRƯỚC SẮP NHẬP)							12,338	5,368	5,368			5	
1	Nâng cấp tuyến cấp sông Hậu 2	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8029881		2023-2025	Số 130/QĐ-UBND 01/06/2023; Số 274/QĐ-UBND 13/12/2024	7,225	255	255			1	
2	Bê tông tuyến Mương Út Xuân	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8124730		2024-2025	Số 161/QĐ-UBND 26/09/2024	992	992	992			1	
3	Nâng cấp, cải tạo Bến xe tàu	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8125560		2023-2025	Số 110/QĐ-UBND 17/07/2024	2,412	2,412	2,412		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành	1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành đã giao trước sáp nhập)			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
4	Nâng cấp, cải tạo đường vào trung tâm văn hóa xã Bình Thạnh	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8124746		2024-2025	Số 162/QĐ-UBND 26/09/2024	527	527	527			1	
5	Bê tông hóa lộ Bà Tam (ấp Bình An 2)	An Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8142004		2025	Số 299/QĐ-UBND 30/12/2024	1,182	1,182	1,182			1	
B	CÔNG TRÌNH XÃ NÔNG THÔN MỚI (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							7,732	4,675	4,675			10	
1	CÔNG TRÌNH CÁC XÃ ĐIỂM PHÂN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NTM THEO LỘ TRÌNH CỦA TỈNH NĂM 2025 (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							3,841	3,254	3,254			6	
1.1	XÃ BÌNH THẠNH (CŨ)							3,841	3,254	3,254			6	
1	Mô hình Camera an ninh	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX			2024-2025	Số 211/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	220	200	200			1	
2	Hạ tầng công nghệ thông tin (Wifi công cộng)	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8138042		2024-2025	Số 212/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	120	100	100			1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành đã giao trước sáp nhập)			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT dân sinh đầu cồn	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8088243		2023-2025	Số 444/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	768	334	334		Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh	1	
4	Nâng cấp, mở rộng đường khu dân sinh cầu Khai Long	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8122949		2024-2025	Số 185/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	361	361	361			1	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến KDC Huỳnh Tông đến hầm cá Tư Nuông	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8122948		2023-2025	Số 55/QĐ-UBND ngày 29/5/2024	1,230	1,171	1,171			1	
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT đoạn từ Lò sấy Lâm Tùng đến đước cồn	Bình Thạnh	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8123340		2024-2025	Số 186/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	1,142	1,088	1,088			1	
II	CÔNG TRÌNH CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2021, PHÂN ĐẦU DUY TRÌ NÂNG CHẤT BỘ TIÊU CHÍ (GIAO TRƯỚC SÁP NHẬP)							3,891	1,421	1,421			4	
II.1	XÃ BÌNH HÒA (CŨ)							2,094	710	710			2	
1	Bê tông đoạn Cầu Mương Hội Đồng đến Cầu Tâm Thê	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8030685		2023-2025	Số 77/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	1,712	328	328		Ủy ban nhân dân xã Bình	1	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (tiếp nhận từ các xã cũ tại Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 09/06/2025 của HĐND huyện Châu Thành đã giao trước sáp nhập)			Chủ đầu tư	Số dự án	Ghi chú
							Số, ngày Quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:				
										Ngân sách Trung ương	Nguồn vốn khác			
												Hòa		
2	Bê tông tuyến bờ tây Hới Đồng Ni (đoạn từ cửa hàng mùng mền Thu Thủy đến công ty giống cây trồng Nông Hưng Phát)	Bình Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8140929		2024-2025	Số 187/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	382	382	382			1	
II.2	XÃ AN HÒA (CŨ)							1,797	711	711		Ủy ban nhân dân xã An Hòa	2	
1	Bê tông hóa tuyến đường bờ bắc kênh Quyết	An Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8030677		2023-2024	Số 76/QĐ-UBND ngày 09/05/2023	1,184	98	98			1	
2	Hệ thống chiếu sáng bờ bắc kênh Rạch Gộc	An Hòa	Phòng Giao dịch số 10 - KBNN KV XX	8140928		2024-2025	Số 203/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	613	613	613			1	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/NQ-HĐND

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về chương trình giám sát của
Hội đồng nhân dân xã 6 tháng cuối năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 03

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã 06 tháng cuối năm 2025; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa 06 tháng cuối năm 2025 với những nội dung sau:

1. Giám sát thường xuyên tại kỳ họp

a) Xem báo cáo công tác năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) xã, hai Ban HĐND xã, Ủy ban nhân dân (UBND); báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri (khi cần) của Thường trực HĐND xã.

b) Xem xét báo cáo của UBND về : Kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của xã; công tác phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại tố cáo; kết quả giải quyết kiến nghị cử tri.

c) Xem xét trả lời chất vấn của những người bị chất vấn theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 5 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.\

d) Xem xét quyết định của UBND xã, Nghị quyết HĐND xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước cấp trên (nếu có).

đ) Việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

2. Giám sát chuyên đề:

a) Thường trực Hội đồng Nhân dân xã: Giám sát công tác giữ vững và nâng chất tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 theo quyết Quyết định số 05, số 06/2025/QĐ-UBND ngày 11/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

b) Ban Kinh tế - Ngân sách: Giám sát tình hình công tác thu ngân sách và thu hồi các khoản nợ trong dân.

c) Ban Văn hóa – Xã hội: Giám sát việc thực hiện các chính sách giải quyết việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

d) Ngoài các nội dung giám sát nêu trên, căn cứ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ban Thường vụ Đảng ủy; tình hình thực tiễn và ý kiến, kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và hai Ban của Hội đồng nhân dân xã xem xét tổ chức giám sát, khảo sát một số nội dung cần thiết khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân xã, các phòng, ban ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong giám sát; báo cáo và cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan theo yêu cầu giám sát; thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả việc thực hiện các kiến nghị theo quy định.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã; BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT. HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA**

Số: 15/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
**Về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân
xã Bình Hòa năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 07/TTr-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa năm 2026 với những nội dung sau:

1. Giám sát tại kỳ họp

a) Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026:

- Xem xét việc thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026; Cho ý kiến về tổng quyết toán ngân sách năm 2025, điều chỉnh ngân sách xã năm 2026 (nếu có).

- Xem xét và cho ý kiến đối với các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp.

- Kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2025 và dự kiến chương trình giám sát năm 2027.

- Hoạt động của các ngành theo chức năng, nhiệm vụ và Luật định.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của chủ tịch Ủy ban nhân dân và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã.

b) Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026:

- Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2026, định hướng nhiệm vụ năm 2027.

- Xem xét và cho ý kiến về nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026 và dự toán thu chi ngân sách năm 2027.

- Xem xét và cho ý kiến về các Tờ trình và dự thảo Nghị Quyết thông qua tại kỳ họp.

- Xem xét tình hình thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban theo Luật định.

- Xem xét việc trả lời chất vấn của chủ tịch Ủy ban nhân dân và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã.

2. Giám sát thường xuyên:

- Việc tuân theo Hiến pháp, Luật ở địa phương và thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã đối với hoạt động quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân xã.

- Xem xét Quyết định Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, Luật và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên.

- Việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của cử tri và thực hiện các kiến nghị của đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân xã.

3. Giám sát chuyên đề

- Việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2026 (theo định kỳ 6 tháng, cuối năm).

- Công tác chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2026 – 2031.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026.

- Công tác giải ngân đầu tư công (nếu có).

- Công tác cải cách hành chính công (Trung tâm hành chính công).

- Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và công tác hòa giải ở cơ sở.

- Chỉ tiêu giao ước thi đua với các ngành, ấp năm 2026.

4. Ngoài các nội dung giám sát nêu trên, căn cứ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, Ban Chấp hành Đảng bộ xã, Ban Thường vụ Đảng ủy; tình hình thực tiễn và ý kiến, kiến nghị của cử tri, Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã và hai Ban của Hội đồng nhân dân xã xem xét tổ chức giám sát, khảo sát một số nội dung cần thiết khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân xã, các ban, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong giám sát; báo cáo và cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan theo yêu cầu giám sát; thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả việc thực hiện các kiến nghị theo quy định.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, Kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Trang thông tin điện tử xã
- Lưu: VT.HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Phước Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA**

Số: 16/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Hòa, ngày 07 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân xã Bình Hòa
Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 03**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1654/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh An Giang năm 2025;

Xét Tờ trình số 08 /TTr-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân xã Bình Hòa Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, hai Ban Hội đồng nhân dân xã, các ban, ngành, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, kỳ họp thứ 03 thông qua ngày 07 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH – HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Phước Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BÌNH HÒA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BÌNH HÒA
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, hình thức làm việc, quy trình giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

- Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã Bình Hòa khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số, đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 3. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã theo quy định tại Điều 34 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Hội đồng nhân dân xã họp chuyên đề hoặc họp đề giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua tại phiên họp trừ bị hoặc phiên khai mạc kỳ họp theo trình tự sau đây:

a) Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thông qua dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận, cho ý kiến về dự kiến nội dung chương trình kỳ họp.

c) Chủ tọa kết luận.

d) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tọa điều hành phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện điều hành theo sự phân công của Chủ tịch; Triệu tập viên tại kỳ họp thứ nhất theo quy định của Luật.

2. Chủ tọa các phiên họp có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp

1. Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các luật có liên quan.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và thực hiện quyền chất vấn; biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

3. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân thì phải có lý do, báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tọa kỳ họp.

4. Đeo phù hiệu khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân phải bảo đảm chính xác, khách quan, trừu thông tin, tài liệu theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín theo quy định.

Điều 6. Thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân để thảo luận về chương trình và các nội dung trình tại kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân; giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

3. Tổ phó Tổ thảo luận của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giúp Tổ Trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ Trưởng. Khi Tổ Trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ do Tổ Trưởng phân công.

Điều 7. Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã

1. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Thư ký kỳ họp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp.

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 8. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký, trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã (qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã) để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân theo thời hạn quy định. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân khi đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chế độ quản lý và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân đối với các loại văn bản (văn bản thu hồi, văn bản mật) và tài liệu khác phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã theo quyết định Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 9. Hình thức tiến hành kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã bao gồm:

a) Phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân.

b) Phiên họp thảo luận của Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân về nội dung thuộc chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân mời Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có liên quan trao đổi về những vấn đề cần lưu ý trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

3. Các phiên họp tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được tiến hành công khai, trừ trường hợp họp kín thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Kỳ họp thứ nhất, phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Tại kỳ họp thứ nhất của khóa Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc Triệu tập viên là Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu được Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa mới.

2. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp Hội đồng nhân dân. Trước phiên khai mạc, Hội đồng nhân dân tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

Phiên khai mạc Hội đồng nhân dân thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo Chương trình kỳ họp đã được thông qua.

3. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi Hội đồng nhân dân hoàn thành toàn bộ nội dung theo chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, Chào cờ.

Điều 11. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua các nội dung theo thẩm quyền tại kỳ họp

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân xã về Tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo và các tài liệu khác theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện lãnh đạo hai Ban của Hội đồng nhân dân xã được phân công thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo, ...trình bày báo cáo thẩm tra.

3. Hội đồng nhân dân xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

a) Thảo luận tại phiên họp toàn thể: Đại biểu Hội đồng nhân dân chấp hành sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Trong quá trình xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa nêu các vấn đề còn có ý khác nhau để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu Hội đồng nhân dân quan tâm.

b) Thảo luận tại Tổ: Chủ tọa kỳ họp chỉ định, phân công Tổ trưởng, Tổ phó để điều hành thảo luận Tổ; Thư ký kỳ họp ghi chép đầy đủ ý kiến thảo luận của đại biểu tại tổ, tổng hợp đầy đủ nội dung gửi Tổ trưởng. Thư ký kỳ họp tổng hợp, báo cáo Chủ tọa kỳ họp cho ý kiến trước khi trình Hội đồng nhân dân tại phiên họp toàn thể.

c) Cơ quan chủ trì xây dựng nội dung có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

d) Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quy định.

4. Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau:

a) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có) dự thảo Nghị quyết.

b) Hội đồng nhân dân thảo luận nội dung dự thảo Nghị quyết, Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi nghị quyết được Hội đồng nhân dân thông qua.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết (bằng thẻ biểu quyết) thông qua dự thảo Nghị quyết. Đối với trường hợp bỏ phiếu kín, Chủ tọa kỳ họp báo cáo kết quả biểu quyết.

5. Nội dung Kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của Hội đồng nhân dân phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 12. Trình tự chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

1. Chủ tọa kỳ họp nêu những nội dung cần tập trung chất vấn và trả lời chất vấn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân; điều hành nội dung, thời gian, cách thức đặt câu hỏi, phương pháp trả lời chất vấn, điều hành tranh luận (nếu có) và kết luận chất vấn.

2. Đại biểu đặt câu hỏi chất vấn và người được chất vấn trả lời chất vấn theo sự điều hành của chủ tọa kỳ họp; nếu đại biểu không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đề nghị chủ tọa cho tranh luận hoặc đề nghị làm rõ những nội dung liên quan.

3. Chủ tọa kỳ họp kết luận phiên chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn đối với từng nhóm vấn đề được chất vấn.

Điều 13. Trình tự xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã

1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân như sau:

a) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân trong số các đại biểu Hội đồng nhân dân; kèm theo hồ sơ và các tài liệu khác về người được giới thiệu vào các chức danh theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (kể cả đối với người tự ứng cử hoặc được đại biểu Hội đồng nhân dân đề cử ngoài danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu).

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân thảo luận;

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân xã biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng hai Ban của Hội đồng nhân dân;

đ) Hội đồng nhân dân bầu Ban Kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

e) Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng hai Ban của Hội đồng nhân dân bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công trình Hội đồng nhân dân dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) Hội đồng nhân dân thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa phân công báo cáo Hội đồng nhân dân về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân:

a) Người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình Hội đồng nhân dân bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân và gửi kèm theo hồ sơ nhân sự như quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân bầu các chức danh của Ủy ban nhân dân thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, trình Hội đồng nhân dân quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục và hồ sơ trình Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân

a) Theo đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án, Hội đồng nhân dân (trong kỳ họp), Thường trực Hội đồng nhân dân (trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp) họp để xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án.

b) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án trình bày văn bản đề nghị Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công (trong kỳ họp), đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân (trong thời gian giữa hai kỳ họp) trình bày dự thảo Nghị quyết về việc đồng ý hay không đồng ý bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

d) Trình tự, thủ tục trình Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân theo khoản 1 Điều này; trình tự, thủ tục trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về

việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân theo Điều 31 của Quy chế này.

Điều 14. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Khi cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã tổ chức họp báo để cung cấp thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân.
2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã công khai nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên trang thông tin điện tử của xã, trừ trường hợp luật quy định khác.
3. Các phiên họp của Hội đồng nhân dân xã được phát thanh theo Chương trình kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.
4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin theo quyết định của Thường trực của Hội đồng nhân dân.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 15. Nguyên tắc hoạt động, chế độ, hình thức làm việc

1. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân xã giao và các quy định khác có liên quan; bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả giải quyết công việc theo quy định và Quy chế này.

b) Hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chấp hành nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan cấp trên; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của tập thể.

c) Thường trực Hội đồng nhân dân xã bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên là Trưởng hai Ban của Hội đồng nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng ủy, Hội đồng nhân dân.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công nhiệm vụ, điều hòa hoạt động của các thành viên đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân phải nghiêm túc thực hiện sự phân công, giải quyết công việc đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ; phát huy đoàn kết nội bộ; giữ gìn bí mật theo quy định nhà nước, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, kết luận của tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân, không ngừng tự hoàn thiện để góp phần xây dựng tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân xã thống nhất, đoàn kết, vững mạnh và hiệu quả.

đ) Phó Chủ tịch được phân công chịu trách nhiệm về các lĩnh vực được phân công phụ trách. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực thì Phó Chủ tịch chủ trì vấn đề giải quyết công việc và báo cáo Chủ tịch xin ý kiến trước khi quyết định.

e) Các Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân được phân công thực hiện công việc nào thì người đó chịu trách nhiệm chính về công việc đã được phân công. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều Ủy viên phụ trách thì Ủy viên được phân công chủ trì phải chủ động phối hợp và chịu trách nhiệm chính. Nếu giữa các Ủy viên vẫn có ý kiến khác nhau thì Ủy viên chủ trì báo cáo Phó Chủ tịch đề chỉ đạo thực hiện.

Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân trước khi nghỉ hưu, chuyển công tác, đi công tác, học tập dài hạn phải bàn giao công việc theo quy định chung; bảo đảm hiệu quả công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 16. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân Xã

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Lãnh đạo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của hai Ban Hội đồng nhân dân; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các hoạt động giám sát, thẩm tra của hai Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị (phối hợp với các cơ quan có liên quan ở địa phương trao đổi, thống nhất về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân); triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân; chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; ký chứng thực các loại văn bản theo quy định của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân trên địa bàn.

d) Phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch. Trong thời gian vắng mặt hoặc do yêu cầu công tác, Chủ tịch phân công cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xử lý công.

đ) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với các cơ quan Trung ương và địa phương khi thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã

a) Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về những nhiệm vụ được phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn Trường Ban của Hội đồng nhân dân với vị trí là thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công theo lĩnh vực phụ trách và nhiệm vụ được Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giao.

b) Chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân về lĩnh vực phụ trách và nhiệm vụ được giao.

Điều 17. Phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp (công khai, họp kín...), thành phần họp phiên thường kỳ hoặc họp đột xuất (theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân); phân công các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra nội dung trình kỳ họp, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; phân công Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tham mưu, phục vụ.

2. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

3. Công tác chuẩn bị nội dung phiên họp

a) Căn cứ vào Chương trình phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi Thường trực Hội đồng nhân dân nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp.

b) Đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Trình tự, phương thức tiến hành phiên họp

a) Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

b) Chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân (Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công) xác định tính hợp lệ, thành phần, nội dung tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân trước khi Thường trực Hội đồng nhân dân tiến hành xem xét, cho ý kiến vào nội dung phiên họp.

c) Chủ tọa phiên họp gợi ý những nội dung tập trung thảo luận; điều hành phiên họp.

d) Thủ trưởng các cơ quan, Trưởng hai Ban của Hội đồng nhân dân được giao chủ trì tham mưu nội dung trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân (hoặc người được ủy quyền) trình bày Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề

án... đề Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến.

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận.

e) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến.

g) Trưởng hai Ban của Hội đồng nhân dân, Thủ trưởng các cơ quan được giao tham mưu chủ trì nội dung trình phiên họp (hoặc người được ủy quyền) phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

h) Chủ tọa xin ý kiến về những nội dung còn có ý kiến khác nhau trước khi Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết. Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết từng nội dung (nội dung các ý kiến khác nhau, thông qua toàn bộ các nội dung) trình tại phiên họp bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp bỏ phiếu kín thì Thường trực Hội đồng nhân dân cử Ban Kiểm phiếu để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu (Mẫu phiếu, Biên bản kiểm phiếu do Thường trực Hội đồng nhân dân quy định); Chủ tọa kết luận, ký biên bản.

Trường hợp nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân chưa được xem xét, thông qua, Chủ tọa phiên họp kết luận (bao gồm một số nội dung chính như: phân công trách nhiệm, tiến độ, lộ trình, nội dung, thời gian trình Thường trực Hội đồng nhân dân...).

5. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định phương thức đưa tin (phát thanh trực tiếp; báo chí đưa tin, fanpage và các hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện của địa phương); mời các cơ quan báo chí tham dự đưa tin.

Điều 18. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân chủ trì, phối hợp với Ban của Hội đồng nhân dân được phân công chủ trì thẩm tra dự thảo văn bản kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về từng nội dung trình Chủ tọa phiên họp xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành văn bản Thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 19. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân cho ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp (do thiên tai, dịch bệnh) hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực Hội đồng nhân dân (như công tác nhân sự thuộc thẩm quyền: xem xét, phê chuẩn nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; các văn bản tham gia góp ý của Thường trực Hội đồng nhân dân...), Chủ tịch Hội đồng nhân dân tự mình hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, cơ quan chủ trì nội dung quyết định việc lấy ý kiến thành viên Thường trực Hội đồng

nhân dân bằng hình thức văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến, quyết định bằng văn bản tương tự như Hồ sơ trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân và được gửi đến Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân để xem xét tính hợp lệ, đầy đủ của Hồ sơ trước khi gửi đến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, cho ý kiến bằng văn bản, kèm theo phiếu biểu quyết (nếu có).

3. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản, thể hiện chứng kiến của mình vào phiếu biểu quyết (nếu có) gửi lại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để tổng hợp, dự thảo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân (nếu có), báo cáo Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phụ trách trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Ý kiến hoặc kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Thời hạn xin ý kiến bằng văn bản do Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực quyết định.

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thực hiện chế độ báo cáo của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân với Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện chế độ thông tin đến nhân dân, công khai trên các phương tiện thông tin báo chí, trang thông tin điện tử về tình hình tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân; việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri của Ủy ban nhân dân, trừ các văn bản theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân yêu cầu các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể về thẩm quyền, nội dung phát ngôn, thông tin cung cấp cho báo chí trước mỗi lần họp báo. Người phát ngôn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Chương IV

BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 21. Nguyên tắc và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Ban của Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số; thực hiện giải quyết công việc đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Quy chế làm việc.
3. Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân (báo cáo định kỳ hoặc đột xuất); ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Các thành viên Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng ban phân công.

4. Ban của Hội đồng nhân dân làm việc có các hình thức làm việc sau: Phiên họp toàn thể, hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên hoạt động chuyên trách và Ủy viên khác của Hội đồng nhân dân

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của luật và quy chế làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân.
 - b) Phụ trách chung, chỉ đạo, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về hoạt động của Ban.
 - c) Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, điều hành hoạt động của Ban đảm bảo chất lượng, khoa học, hiệu quả.
 - d) Trình bày báo cáo trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.
 - đ) Cung cấp thông tin về hoạt động của Ban cho các cơ quan báo chí (nếu có yêu cầu)
 - g) Trực tiếp xử lý công văn đi, đến của Ban.
 - h) Trưởng Ban thay mặt ký văn bản của Ban.
2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban
 - a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công của Trưởng Ban.
 - b) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và Ban của Hội đồng nhân dân về những nhiệm vụ được phân công.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Ban của Hội đồng nhân dân (bao gồm cả Ủy viên chuyên trách)

a) Ủy viên Ban có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

b) Tuân thủ sự chỉ đạo, điều hòa hoạt động của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban và Trưởng ban, Phó Trưởng ban về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 23. Phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã

1. Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền hoặc các nội dung theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân; phân công Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban dự thảo nội dung trình phiên họp toàn thể của Ban hoặc chuẩn bị ý kiến của Ban trả lời các cơ quan.

2. Trình tự tổ chức phiên họp Ban tương tự như trình tự tổ chức phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại khoản 4 Điều 17 của Quy chế này.

3. Căn cứ kết luận phiên họp toàn thể của Ban, Trưởng Ban phân công Phó Trưởng ban hoặc Ủy viên Ban chủ trì phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoàn thiện dự thảo các văn bản đã cho ý kiến theo nội dung phiên họp theo thẩm quyền, trình Trưởng Ban xem xét, quyết định.

CHƯƠNG V TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 24. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu.

Điều 25. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân.

c) Tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Trách nhiệm của Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ khi được Tổ trưởng ủy quyền.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

Điều 26. Quan hệ phối hợp công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và địa phương

1. Với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản kỳ họp và báo cáo hoạt động 06 tháng, hằng năm của Hội đồng nhân dân xã đến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân tại xã.

c) Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã tham dự các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh khi được mời hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

2. Với Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp

a) Phối hợp, chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã ban hành; phân công các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan có liên quan chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

b) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động Ủy ban nhân dân cùng cấp trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

c) Chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc thẩm quyền của Thường trực Hội đồng nhân dân. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định.

4. Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp

a) Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

b) Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân

dân; tham gia giám sát, khảo sát; lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

c) Phối hợp, tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp xúc cử tri và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri theo quy định.

d) Phối hợp theo dõi hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, giúp đại biểu Hội đồng nhân dân làm nhiệm vụ đại biểu.

Điều 27. Quan hệ phối hợp công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân với hai Ban Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

1. Với hai Ban của Hội đồng nhân dân

a) Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của hai Ban của Hội đồng nhân dân;

b) Phân công hai Ban của Hội đồng nhân dân chủ trì thẩm tra, phối hợp thẩm tra, chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

a) Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

b) Phân công Chánh Văn phòng tham mưu công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành chung và truyền đạt hoặc ký thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch theo yêu cầu và báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân

Điều 28. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân cùng cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

1. Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 29. Quan hệ công tác của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

1. Với Thường trực Hội đồng nhân dân

a) Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổng hợp báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân, tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo kỳ họp và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã tạo điều kiện để đại biểu tiếp công

dân theo quy định.

2. Với Ủy ban nhân dân xã

a) Mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân để xem xét, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã.

b) Mời Thường trực Hội đồng nhân dân tham gia các hoạt động của Tổ khi tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp trên địa bàn hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

Điều 30. Điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết về điều kiện và chế độ đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của địa phương.

2. Hội đồng nhân dân xã tùy theo tình hình thực tế xây dựng chế độ sử dụng chuyên gia, nhà khoa học để tham vấn cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định và chỉ đạo đảm bảo các điều kiện hoạt động của hai Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu hoạt động chuyên trách tại các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu với Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã các nội dung tại khoản 1, khoản 2 và quyết định các nội dung tại khoản 3 Điều này.